

Bản án số: 12/2024/HNGĐ- ST
Ngày: 28/3/2024
“V/v ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phạm Văn Toán.
- Ông Phạm Việt Phương.

- Thư ký phiên tòa: ông Vũ Quang Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 295/2023/TLST - HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2023 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2024/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị L, sinh năm 1980.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn T, xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1978.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn T, xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương.

Chị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và anh T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai, các biên bản lấy lời khai, nguyên đơn là chị Bùi Thị L trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn T được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương ngày 09/9/1998. Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 10 năm thì nảy sinh mâu thuẫn. Chị có nghe dư luận về việc anh T quan hệ với

người phụ nữ khác. Sau đó, anh chị sống ly thân, mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai. Chị không biết anh T ở đâu và làm gì, chỉ khi gia đình có việc quan trọng thì anh T mới liên lạc trao đổi hoặc chu cấp tiền cho các con. Chị xác định thời gian ly thân đã lâu, không còn tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là Nguyễn Hải L, sinh ngày 30/7/1999 và Nguyễn Văn H, sinh ngày 23/11/2004. Hiện các con chung đều đủ 18 tuổi, trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án không thực hiện được việc tổng đạt trực tiếp thông báo thụ lý và giấy triệu tập cho anh T. Căn cứ theo quy định tại khoản 5 Điều 177 của BLTTDS, Tòa án đã lập biên bản về việc không tổng đạt được và tiến hành thủ tục niêm yết thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đối với bị đơn là anh Nguyễn Văn T. Tuy nhiên anh T không đến Tòa án để có ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của chị L.

- Bà Lê Thị V là mẹ đẻ của chị L xác định anh T và chị L phát sinh mâu thuẫn do anh T đi làm nghề lái tàu, thường xuyên vắng nhà, có biểu hiện quan hệ nam nữ bất chính, không quan tâm đến vợ con. Cả hai đã ly thân từ lâu nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Trưởng thôn T, xã T xác định: anh T và chị L có nhiều mâu thuẫn, đã sống ly thân từ năm 2009 đến nay. Anh T đi làm xa nhà, thỉnh thoảng mới về nhà nhưng cũng không về chung sống với chị L.

- Tại Công văn số 3925/QLXNC-P3 ngày 28/02/2024, Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ công an trả lời: anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1978, CCCD số: 030078015554, địa chỉ: xã T, huyện K, Hải Dương hiện chưa có thông tin xuất nhập cảnh.

Tại phiên tòa, các đương sự đều không có mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của tòa án.

Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L, cho chị Bùi Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: các con chung đã đủ 18 tuổi, trưởng thành, chị L không yêu cầu Tòa án xem xét nên không giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: không giải quyết.

- Án phí: Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Chị Bùi Thị L khởi kiện xin ly hôn, giải quyết về con chung với anh Nguyễn Văn T có địa chỉ thường trú tại xã T, huyện K nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kim Thành theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị L đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập hợp nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh T đã được triệu tập đến lần thứ hai vẫn vắng mặt. Căn cứ theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: chị Bùi Thị L và anh Nguyễn Văn T kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 09/9/1998 tại UBND xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương trên cơ sở tự nguyện nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, anh chị đã nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng không có sự tin tưởng nhau, dẫn đến cả hai sống ly thân từ năm 2009. Từ đó đến nay, mỗi người một cuộc sống, không ai quan tâm đến ai. Đến nay, chị L xác định, do thời gian ly thân đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị được ly hôn với anh T. Như vậy, hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: Chị L và anh T có 02 con chung là Nguyễn Hải L, sinh ngày 30/7/1999 và Nguyễn Văn H, sinh ngày 23/11/2004. Hiện các con chung đều đủ 18 tuổi, trưởng thành, chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[2.4]. Về án phí: Chị L là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử chấp nhận yêu cầu của chị Bùi Thị L;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Chị L và anh T có 02 con chung là Nguyễn Hải L, sinh ngày 30/7/1999 và Nguyễn Văn H, sinh ngày 23/11/2004. Hiện các con chung đều đủ 18 tuổi, trưởng thành, chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn. Đối trừ vào số tiền 300.000 đồng mà chị L đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2022/0001748 ngày 13/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương, chị L đã thi hành xong nghĩa vụ về án phí.

Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Kim Thành;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Kim Thành;
- UBND xã T, huyện K (số 18/1998);
- Lưu: Tòa án, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Hà